

REVIEW UNIT 1

I. Read the sentences and choose the correct answers.

1. My mother often has *breakfast/ dinner* in the morning.
2. We are out of rice. I need to do the *shopping/ dishes*.
3. Jenny *washes the clothes/ does the dishes* after taking a bath.
4. Let's *clean the bathroom/ eat breakfast*. I'm hungry.
5. Does your apartment have a *balcony/ garage*?

II. Fill in the blanks with the correct form of the verbs.

1. My brother and my sister (live) _____ in London.
2. Lisa (have) _____ a dog.
3. Does your family (live) _____ in Hanoi? No, it doesn't. We (live) _____ in Thai Binh.
4. My house (not have) _____ a pool.
5. Do you live in a house? - No, I don't. I (live) _____ in a villa.

III. Fill in the blanks using the words in the box.

village; garage; city; pool; gym;

1. My sister goes to the _____ three times a week.
2. We asked for a hotel room with a _____.
3. Did Jimmy park the car in the _____?
4. A _____ is in the countryside and usually has a few houses.
5. A _____ has many big buildings, schools, parks and hospitals.

IV. Homework:

Learn by heart all the new words and structure

Prepare period 11 page 14

Unit 2 : SCHOOL

I. New words

1. history (n): môn lịch sử
2. Physical education (P.E) : môn thể dục
3. Information technology (I.T) : môn tin học
4. music (n) : môn âm nhạc
5. geography (n) : môn địa lý
6. literature (n) : môn ngữ văn
7. physics (n) : môn vật lý
8. biology (n): môn sinh học

II. Grammar : The Present Simple : Do / Does + S + V...?Ex : Do you like math?
→ yes, I do / no, I don't

III. Number the pictures. Listen and repeat.

IV. Note three more subjects you know. Discuss if you like them. Ask and answer.Ex : Do you like math? → yes, I do / no, I don't

Listening (giảm tải, tham khảo)

A. Listen to Adrian and Sarah talking about school subjects. Who likes more school subjects?

B. Now, listen and fill in the blanks

1. Adrian likes
2. Sarah likes history, physics, and
3. Sarah doesn't like
4. Adrian's favorite subject is

VI. EXERCISES *Fill in the blanks with the correct form of the verbs.*

1. My brother and my sister (live) _____ in London.
2. Lisa (have)_____ a dog.
3. Does your family (live) _____ in Hanoi? No, it doesn't. We (live) _____ in Thai Binh.
4. My house (not have)_____ a pool.
5. Do you live in a house? - No, I don't. I (live) _____ in a villa.

III. Homework:

Learn by heart all the new words and structure

I. Vocabulary(Revision)

1. history (n): môn lịch sử
2. Physical education (P.E) : môn thể dục
3. Information technology (I.T) : môn tin học
4. music (n) : môn âm nhạc
5. geography (n) : môn địa lý
6. literature (n) : môn ngữ văn
7. physics (n) : môn vật lý
8. biology (n): môn sinh học

II. GRAMMAR : Using “ and ” / “ or ” for listing

We use **and** to join two or more nouns in a positive sentence.

We use **or** to join two or more nouns in a negative sentence.

- Ex :
1. I like **math and biology**
 2. I like **math, biology and music**
 3. I don't like **math or biology**
 4. I don't like **math, biology, or music**

Possessive pronouns : “ mine ” and “ yours ”

We use mine or yours so we don't say the same words (e.g. ...your favorite subject) again.

My favorite subject's **physics**. What's **yours** ? **Mine's English**.

III. EXERCISES

1. Circle the correct words.

1. My favorite sport is tennis. What's mine / yours?
- I like soccer
2. I found a bag. Is it mine / yours?
- No, it isn't. My bag is here
3. This book isn't my book. Mine / Yours is blue. Is it yours ?
- Yes, it is
4. I saw a red hat on the table. Isn't yours / mine red ?
- No, mine is blue
5. What's your favorite ice cream ? Mine / Yours is chocolate.

- I like chocolate, too

6. Do you have a ruler ? Mine / Yours is at home

- Sure, here you are

2. Write sentences using the prompts. 😊 = like 😞 = don't like

1. history / I.T / physics 😊 *I like history, I.T., and physics*

2. art/music 😞 _____

3. literature/ biology 😊 _____

4. P.E./geography/ _____ physics 😞

III. Homework:

1. Learn by heart all the new words and structure

2. Prepare period 12 page 16

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC

Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

1. Hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Mục I:	1. 2. 3.
Mục II:	

2. Một số lưu ý

Gửi các thắc mắc và các bài tập không giải được cho thầy cô qua nhiều kênh, và nhận phản hồi.

Thầy Phước: 0985366733. Thầy Chuẩn: 0376791259. Cô Đào: 0978906973

Cô Đào: 0978906973. Cô Duyên: 0988658549. Cô Quyên: 0976014868

Hoặc gửi lại cho người phát tài liệu

I. VOCABULARY

1. art (n): môn Mỹ Thuật
2. math (n) : môn Toán
3. survey (n) : cuộc khảo sát

II. Grammar: Ask and answer about one's favorite

What is + your / his / her / Mai's ...+ favorite + N(số ít)?

Which / What + noun(số ít) + do / does +S + like best?

III. EXERCISES

Pronunciation

Intonation


a. Intonation for lists goes up, up, then down.

I like history, math, and geography.

b. Listen to the sentences and focus on the intonation goes up then down.

I like history, math, and geography.

I like biology, physics, and literature.

c. Listen and cross out the one with the wrong intonation. 


I like math, science, and history.

I like art, music, and physics.

a. Circle  or  . Ask and answer. Swap roles and repeat.

 = like

What subjects do you like ?

 = don't like

I like art, physics, and math

III. Homework:

1. Learn by heart all the new words and structure
2. Prepare period 13 page 17

UNIT 2: SCHOOL

I. Vocabulary:

1. indoor activity : hoạt động trong nhà # outdoor activity
2. TV show : chương trình truyền hình
3. perform(v) : trình diễn
4. arts and crafts : thủ công mỹ nghệ
5. necklaces(n) : vòng cổ

II. EXERCISES

1. Circle the correct definitions for the underlined words. Listen and repeat

1. I don't like playing outside when it's cold and raining. I like doing **indoor activities** like playing video games

- a. things people do in a building b. things people do on a computer

2. We watch people **act** in movies, theater plays, and TV shows.

- a. make money b. perform a role at part of an audience

3. To be in the school play, *Romeo and Juliet*, you need to join the **drama club**

- a. This group performs plays in front of other people b. This group likes painting and drawing

4. To join a club, **sign up** on the noticeboard. Add your class and phone number, too

- a. read a sign b. add your name to a list

5. In the summer, I love doing **outdoor activities** like football and cycling.

- a. team sports b. things you do outside

6. I enjoy doing acts and crafts. I make presents for my family, like T-shirts and necklaces.

- a. beautiful and /or useful objects made at home b. visiting museums and arts shows

2. Draw the table. Add any activities you can think of to the correct columns.

Indoor activities	Out door activities
Acts and craft,	

III. Homework:

1. Learn by heart all the new words and structure
2. Prepare period 13 page 18

Week: 05 Period: 14 Page 18

UNIT 2: SCHOOL

I. Vocabulary:

- | | |
|----------------------|----------------------------|
| 1. sing (v) : ca hát | 2. draw (v) : vẽ |
| 3. cut (v) : cắt | 4. read (v) : đọc |
| 5. dance (v) : nhảy | 6. get (v) : nhận, lấy, có |
| 7. act (v) hành động | |

II. Grammar

Like + verb-ing

We use **like + verb-ing** to talk about things we like to do often. Then spelling of the verbs might can change when we add **-ing**.

After **consonant +e**: remove **e** and replace with **-ing** make – making

After consonant +vowel +consonant of one-syllable verbs: swim – swimming

double the final consonant and add **-ing** play – playing

Do not double the final consonant when the word ends in **w, x, or y**

III. EXERCISES 1. Rewrite the verbs using -ing

- | | | | |
|------------------|----------------|---------------|---------------|
| 1. sing →singing | 5. Read→ | 3. cut →..... | |
| 2. draw →..... | 6. Dance→..... | 7. Get→..... | 4. act →..... |

Fill in the blanks

Mia: There's an art club. Do you like (1)___painting___ ? (paint)

Penny: No, I don't

Mia: Do you like (2)_doing_____? (do/outdoor activities)

Penny: Yes, I do. I like sports

Mia: Do you like (3)_____? (play / tennis)

Penny: No, not really

Mia: Do you like (4)_____? (swim)

Penny: Yes, I do

III. Homework:

1. Learn by heart all the new words and structure
2. Prepare period 14 page 19

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC

Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

3. Hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Mục I:	1. 2. 3.
Mục II:	

4. Một số lưu ý

Gửi các thắc mắc và các bài tập không giải được cho thầy cô qua nhiều kênh, và nhận phản hồi.

Thầy Phước: 0985366733. Thầy Chuẩn: 0376791259. Cô Đào: 0978906973

Cô Đào: 0978906973. Cô Duyên: 0988658549. Cô Quyên: 0976014868

Hoặc gửi lại cho người phát tài liệu.

